

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG - NÔNG NGHIỆP

QUY ĐỊNH
KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC NGƯỜI
HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG
NGÀNH, NGHỀ: QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH
MÃ NGÀNH, NGHỀ: 6810101

Ngày ban hành:
Ngày cập nhật bổ sung: 16/4/2025

QUY ĐỊNH
KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU VÀ YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC MÀ
NGƯỜI HỌC PHẢI ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP

*(Kèm theo Quyết định số: 1010 /QĐ-CĐCNN ngày 16 tháng 4 năm 2025
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công - Nông nghiệp Quảng Bình)*

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

NGÀNH, NGHỀ: QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH

MÃ NGÀNH, NGHỀ: 6810101

1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành trình độ cao đẳng là ngành, nghề trực tiếp thực hiện, quản lý và điều phối các hoạt động du lịch lữ hành. Nhiệm vụ của ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành bao gồm: thiết kế chương trình du lịch; tổ chức xúc tiến và bán sản phẩm du lịch; điều hành tổ chức và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện chương trình du lịch nhằm bảo đảm thực hiện tốt việc chăm sóc khách hàng để duy trì thị phần, thiết lập và duy trì các mối quan hệ với đối tác; đảm bảo an toàn, an ninh cho khách hàng theo quy định; quản lý, giám sát nhân sự và đánh giá kết quả công việc một cách chặt chẽ nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao, đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Các công việc chủ yếu được thực hiện tại các doanh nghiệp kinh doanh du lịch và lữ hành, văn phòng đại lý lữ hành và các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch... trong điều kiện môi trường làm việc rất đa dạng, phong phú, thường xuyên có sự giao tiếp với khách hàng, với các nhà cung cấp dịch vụ và các đối tác trong và ngoài nước.

Để hành nghề người lao động cần được trang bị các công cụ, máy móc thiết bị như: thiết bị văn phòng, phương tiện liên lạc, tài liệu chuyên môn...có kiến thức nghiệp vụ và ngoại ngữ;có sức khỏe, ngoại hình phù hợp; có khả năng giao tiếp ứng xử và đạo đức nghề nghiệp.Ngoài ra, nghề quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành đòi hỏi người lao động phải có năng lực

chỉ đạo, điều hành, giám sát các công việc nêu trên và có trình độ ngoại ngữ thích ứng với từng cấp quản trị

Khối lượng kiến thức đạt được: 2.130 giờ (tương đương 94 tín chỉ)

2. Yêu cầu chung của ngành/ngành

a) Yêu cầu về kiến thức

- Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản theo quy định của luật giáo dục nghề nghiệp đối với ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành trình độ cao đẳng bao gồm kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành về những vấn đề lý luận cơ bản, các quy trình quản lý và điều hành du lịch phục vụ cho công việc;

- Xác định được các kiến thức về tâm lý khách du lịch, tài nguyên du lịch, dịch vụ du lịch liên quan.

b) Yêu cầu về kỹ năng

- Đảm nhiệm vai trò nhân viên điều hành chương trình du lịch trong công ty du lịch, hãng lữ hành vận chuyển, lưu trú, ẩm thực;

- Thiết kế xây dựng chương trình du lịch, xác định giá bán, quảng cáo, tiếp thị sản phẩm du lịch;

- Nhận thức được những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Hiến pháp, Pháp luật của nhà nước.

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Đạt được trình độ ngoại ngữ cơ bản, bậc 2/6 (A2) trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Đạt được trình độ ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 (A2) trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

c) Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Rèn luyện người học yêu nghề, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức tổ chức kỷ luật, phong cách làm việc năng động, sáng tạo và tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp;

- Nâng cao nhận thức của người học về các giá trị của tài nguyên du lịch, về hoạt động bảo vệ tài nguyên du lịch của nước ta.

- Có khả năng làm nhóm, biết tổ chức sắp xếp để giải quyết công việc có hiệu quả;

- Tinh thần cầu tiến, khả năng tự tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.

- Có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

3. Các năng lực của ngành/ngành

TT	Mã năng lực	Tên năng lực	Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ)
I	Năm lực cơ bản chung		19
1	NLCB-01	Giáo dục chính trị	75 giờ, 4 TC
2	NLCB-02	Pháp luật	30 giờ, 2 TC
3	NLCB-03	Ngoại ngữ (Anh văn)	120 giờ, 6 TC
4	NLCB-04	Tin học	75 giờ, 3 TC
5	NLCB-05	Giáo dục quốc phòng - an ninh	75 giờ, 4 TC
II	Năng lực cốt lõi (chuyên môn)		15
6	NLCL-01	Tổng quan du lịch	45 giờ, 3 tín chỉ
7	NLCL-02	Văn hóa ẩm thực	45 giờ, 3 tín chỉ
8	NLCL-03	Kỹ năng giao tiếp trong du lịch	45 giờ, 3 tín chỉ
9	NLCL-04	Tâm lý khách du lịch	45 giờ, 3 tín chỉ
10	NLCL-05	Marketing du lịch	45 giờ, 3 tín chỉ
III	Năng lực nâng cao		58
11	NLNC-01	Quản lý tài nguyên du lịch	45 giờ, 3 tín chỉ
12	NLNC-02	Hệ thống di tích và thắng cảnh Việt Nam	60 giờ, 3 tín chỉ
13	NLNC-03	Tuyến điểm du lịch	60 giờ, 3 tín chỉ
14	NLNC-04	Quản trị nguồn nhân lực	60 giờ, 3 tín chỉ
15	NLNC-05	Quản trị kinh doanh lưu trú	75 giờ, 4 tín chỉ
16	NLNC-06	Tổ chức kinh doanh nhà hàng	90 giờ, 4 tín chỉ
17	NLNC-07	Thực tập giữa khóa	45 giờ, 1 tín chỉ

18	NLNC-08	Nghiệp vụ hướng dẫn	120 giờ, 5 tín chỉ
19	NLNC-09	Quản trị kinh doanh lễ hành	135 giờ, 6 tín chỉ
20	NLNC-10	Tiếng anh chuyên ngành	135 giờ, 6 tín chỉ
21	NLNC-11	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	60 giờ, 3 tín chỉ
22	NLNC-12	Quản trị học	30 giờ, 2 tín chỉ
23	NLNC-13	Du lịch sinh thái	30 giờ, 2 tín chỉ
24	NLNC-14	Quản lý du lịch bền vững	30 giờ, 2 tín chỉ
25	NLNC-15	Thực hành nghiệp vụ tại cơ sở	180 giờ, 4 tín chỉ
26	NLNC-16	Thực tập tốt nghiệp	315 giờ, 7 tín chỉ
IV	Năng lực nâng cao tự chọn		
27	NLNC-01	Sử dụng thành thạo các công cụ số phục vụ học tập và công việc; khai thác dữ liệu, thông tin trực tuyến một cách an toàn và hiệu quả. Ứng dụng công nghệ số trong xử lý công việc kỹ thuật, giao tiếp, và quản lý hồ sơ.	75 giờ, 3 TC
28	NLNC-02	Kỹ năng cơ bản về bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả.	45 giờ, 2 TC

4. Khối lượng kiến thức tối thiểu của ngành/ngành (giờ, tín chỉ)

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU ĐỐI VỚI TỪNG NĂNG
LỰC NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG
NGÀNH/NGHỀ: QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**

Khối lượng kiến thức tối thiểu (75 giờ, 04 tín chỉ): (lý thuyết: 41 giờ; thảo luận: 29 giờ; kiểm tra: 05 giờ)

1.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và những nhiệm vụ chính trị của đất nước hiện nay; nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

1.2. Yêu cầu kỹ năng:

Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào giải quyết các vấn đề của cá nhân, xã hội và các vấn đề khác trong quá trình học tập, lao động, hoạt động hàng ngày và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

1.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Tên năng lực: Pháp luật

Mã:NLCB-02

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ 30, 02 tín chỉ): (Lý thuyết: 18 giờ; Thảo luận, bài tập: 10 giờ; kiểm tra: 2 giờ)

2.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam;

Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2.2. Yêu cầu kỹ năng:

Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam;

Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.

3. Tên năng lực: Tiếng anh

Mã: NLCB-03

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 90 giờ, 4 TC

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 90 giờ, 4 TC

3.1. Yêu cầu kiến thức:

Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại và quá khứ, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; nhận biết được các từ vựng về giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt và kỳ nghỉ.

3.2. Yêu cầu kỹ năng:

a) Kỹ năng nghe: Theo dõi và hiểu được lời nói khi được diễn đạt chậm, rõ ràng, có khoảng ngừng để kịp thu nhận các thông tin về các chủ đề liên quan đến thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ vật trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

b) Kỹ năng nói: Đưa ra và hồi đáp các nhận định đơn giản liên quan đến các chủ đề rất quen thuộc như tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, trình bày sở thích, đặt câu hỏi về số lượng, trình bày về những ngày lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

c) Kỹ năng đọc: Đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các món ăn và thức uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

d) Kỹ năng viết: Viết được những cụm từ, câu ngắn về bản thân, gia đình, trường lớp, nơi làm việc, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích.

3.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

- Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

4. Tên năng lực: Tin học

Mã: NLCB-04

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 1 TC

4.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày và giải thích được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

4.2. Về kỹ năng

Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, mạng máy tính; phân loại phần mềm; lập trình; phần mềm thương mại và phần mềm nguồn mở;

Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;

Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản hành chính theo đúng quy định về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính;

Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính các bài toán thực tế;

Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu được các nội dung cần thiết;

Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin và một số dạng truyền thông số thông dụng;

Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin;

Thực hiện đúng các quy định về an toàn bảo mật thông tin; an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

4.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Nhận thức được tầm quan trọng và thực hiện đúng quy định của pháp luật, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

5. Tên năng lực: Giáo dục quốc phòng và An ninh Mã: NLCB-05

Khối lượng kiến thức tối thiểu (75 giờ, 04 tín chỉ): lý thuyết: 36 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 35 giờ; kiểm tra: 04 giờ

5.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;

Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;

Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;

Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyên thương.

5.2. Yêu cầu kỹ năng:

Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;

Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;

Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh;

Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyên thương.

5.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;

Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;

Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

Có ý thức, trách nhiệm trong việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; chiến tranh nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

6. Tên năng lực: Tổng quan du lịch

Mã:

NLCL-01

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 3 TC

6.1. Yêu cầu kiến thức:

Liệt kê được các lĩnh vực kinh doanh du lịch và các loại hình du lịch.
Xác định được đặc điểm cơ sở vật chất kỹ thuật và lao động trong du lịch.

Trình bày được các bộ phận chính trong khách sạn.

6.2. Yêu cầu kỹ năng:

Xác định được các đặc điểm của sản phẩm du lịch

Xác định được mối quan hệ giữa du lịch với các lĩnh vực khác.

Xác định được các mối quan hệ giữa các bộ phận trong khách sạn.

Xác định được quy mô của từng loại khách sạn, phân loại và xếp hạng khách sạn.

6.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Nhận thức đúng đắn về hoạt động du lịch và vai trò của người nhân viên phục vụ tại các khách sạn, nhà hàng và các cơ sở dịch vụ du lịch khác đối với sự phát triển của ngành du lịch.

7. Tên năng lực: Văn hoá ẩm thực

Mã: NLCL-02

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 3 TC

7.1. Yêu cầu kiến thức:

Xác định được tập quán và khẩu vị ăn uống của một số nước khu vực châu Á - Âu.

Xác định được một số yếu tố ảnh hưởng tới văn hoá ẩm thực của Việt Nam.

Xác định được những nét văn hóa ẩm thực đặc sắc ở ba miền Bắc - Trung - Nam của Việt Nam.

Xác định được kiến thức về tôn giáo trên thế giới, một số quan niệm tôn giáo về ẩm thực và một số hình thức ẩm thực tôn giáo.

7.2. Yêu cầu kỹ năng:

Xác định được tập quán và khẩu vị ăn uống của một số nước khu vực châu Á - Âu.

Xác định được một số yếu tố ảnh hưởng tới văn hoá ẩm thực của Việt Nam.

Xác định được những nét văn hóa ẩm thực đặc sắc ở ba miền Bắc - Trung - Nam của Việt Nam.

Xác định được kiến thức về tôn giáo trên thế giới, một số quan niệm tôn giáo về ẩm thực và một số hình thức ẩm thực tôn giáo.

7.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Xác định được kiến thức về tôn giáo trên thế giới, một số quan niệm tôn giáo về ẩm thực và một số hình thức ẩm thực tôn giáo.

8. Tên năng lực: Kỹ năng giao tiếp trong du lịch

Mã:

NLCL-03

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 3 TC

8.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được các yếu tố cấu thành và ảnh hưởng đến quá trình giao tiếp.

Xác định được cách thức tiến hành các nghi thức trong giao tiếp: nghi thức chào hỏi, bắt tay, trao tặng danh thiếp, giao tiếp khi sử dụng xe hơi.

Xác định được các nguyên tắc trong giao tiếp và quan điểm ứng xử trong mua bán.

Phân biệt được đặc trưng tâm lý của khách du lịch theo vùng lãnh thổ và nghề nghiệp.

8.2. Yêu cầu kỹ năng:

Hình thành kỹ năng thực hiện các nghi thức trong giao tiếp: nghi thức chào hỏi, bắt tay, trao tặng danh thiếp, giao tiếp khi sử dụng xe hơi.

Bước đầu hình thành được một số kỹ năng giao tiếp cơ bản trong du lịch: kỹ năng sử dụng ngôn ngữ nói, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng phản hồi, kỹ năng giao tiếp phi ngôn ngữ, kỹ năng giao tiếp qua điện thoại, kỹ năng ứng xử khi khách hàng khen ngợi – phàn nàn;

Phân loại được khách hàng theo các tiêu chí: giới tính, lứa tuổi, mức độ quan hệ, khả năng thanh toán, mức độ nhu cầu và xác định được cách ứng xử phù hợp.

8.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Nhận thức được vai trò của giao tiếp, có ý thức rèn luyện để hoàn thiện kỹ năng giao tiếp với khách hàng.

Luôn học hỏi để hình thành và phát triển những tố chất cần có của người bán hàng.

9. Tên năng lực: Tâm lý khách du lịch

Mã: NLCL-04

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 3 TC

9.1. Yêu cầu kiến thức:

Xác định được các khái niệm, kiến thức cơ bản trong nghiên cứu tâm lý khách du lịch.

Trình bày được các yếu tố tác động đến tâm lý khách du lịch.

Trình bày được đặc điểm tâm lý du khách trong công tác du lịch.

9.2. Yêu cầu kỹ năng:

Xác định được đặc điểm tâm lý du khách trong công tác du lịch.

Xác định được các yếu tố tác động đến tâm lý khách du lịch.

Vận dụng được kiến thức tâm lý để đoán biết được hành vi của khách du lịch.

9.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Có thái độ học tập, rèn luyện nghiêm túc, chủ động và trong nghiên cứu tâm lý khách du lịch.

Nhận thức được ý nghĩa của việc nghiên cứu tâm lý khách du lịch.

Tôn trọng các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý khách du lịch.

10. Tên năng lực: Marketing du lịch

Mã: NLCL-05

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 3 TC

10.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được những nội dung cơ bản về thị trường du lịch, các chính sách marketing du lịch.

Phân loại được các điểm tham quan cho mục tiêu marketing.

10.2. Yêu cầu kỹ năng:

Xác định được các tiêu thức để phân đoạn thị trường trong marketing du lịch.

Xác định được các chính sách marketing hỗn hợp ứng dụng trong kinh doanh dịch vụ du lịch và lễ hành.

Hình thành cách thức liên kết để phát triển điểm tham quan.

10.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Tuân thủ các yêu cầu của chính sách Marketing trong doanh nghiệp du lịch.

Có thái độ học tập, rèn luyện nghiêm túc, chủ động và sáng tạo trong công tác marketing.

11. Tên năng lực: Quản lý tài nguyên du lịch

Mã: NLNC-01

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 3 TC

11.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, vai trò và ý nghĩa của tài nguyên du lịch.

Xác định được những sản phẩm du lịch đặc trưng của các vùng du lịch Việt Nam.

11.2. Yêu cầu kỹ năng:

Phân biệt được tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn.

Xác định được những cách thức khai thác tài nguyên du lịch có hiệu quả.

Vận dụng những kiến thức đã học góp phần vào hoạt động bảo vệ tài nguyên du lịch của địa phương.

11.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ tài nguyên du lịch.
Có phẩm chất đạo đức, kỷ luật tốt, có ý thức tự rèn luyện để nâng cao trình độ.

12. Tên năng lực: Hệ thống di tích và thắng cảnh Việt Nam

Mã: NLNC-02

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 60 giờ, 3 TC

12.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được đặc điểm, vai trò, ý nghĩa của hệ thống di tích và danh thắng Việt Nam

Mô tả được hệ biểu tượng trong hệ thống di tích, danh thắng Việt Nam
Giới thiệu được những di tích và danh thắng tiêu biểu ở miền Bắc, miền Trung và miền Nam Việt Nam.

12.2. Yêu cầu kỹ năng:

Phân biệt và liệt kê được các di tích, danh lam thắng cảnh tiêu biểu ở Việt Nam.

Viết được bài thuyết minh và giới thiệu được những giá trị của di tích danh thắng với khách du lịch Việt Nam và khách du lịch quốc tế.

12.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Nhận thức rõ di tích văn hóa là bộ phận của di sản văn hóa dân tộc và có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội hiện nay

Có khả năng giới thiệu được các di tích và thắng cảnh trên lãnh thổ Việt Nam và chịu trách nhiệm đối với kết quả công việc của mình.

13. Tên năng lực: Tuyển điểm du lịch Việt Nam

Mã:

NLNC-03

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 60 giờ, 3 TC

13.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được các loại hình du lịch.

Trình bày được đặc điểm và vai trò của chương trình du lịch.

Trình bày được đặc điểm của từng tuyến điểm du lịch.

13.2. Yêu cầu kỹ năng:

Xác định được các tuyến điểm du lịch tiêu biểu của các vùng du lịch Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Nam Bộ.

Xây dựng được bài thuyết minh và bước đầu thực hiện được bài thuyết minh giới thiệu một số tuyến điểm du lịch tiêu biểu ở các vùng du lịch Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Nam Bộ.

13.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Có thái độ, nhận thức đúng về tiềm năng du lịch của các tuyến, điểm du lịch.

Có ý thức vận dụng được những hiểu biết về tuyến điểm du lịch vào thực tiễn công việc hướng dẫn du lịch.

14. Tên năng lực: Quản trị nguồn nhân lực Mã: NLNC-04

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 60 giờ, 3 TC

14.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được khái niệm, chức năng, vai trò của quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp.

Trình bày được lợi ích của bản mô tả công việc và nội dung chính của bản mô tả công việc, bản tiêu chuẩn nhân viên.

Xác định được các nguồn tuyển chọn nhân viên và quy trình tuyển chọn nhân viên.

Xác định được quy trình, các hình thức đào tạo nhân viên và các phương pháp đánh giá thực hiện công việc.

Trình bày được lợi ích của công tác an toàn vệ sinh cho người lao động và các biện pháp chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

14.2. Yêu cầu kỹ năng:

Xây dựng được bản mô tả công việc và bản tiêu chuẩn nhân viên.

Vận dụng được các phương pháp đào tạo nhân viên và đánh giá năng lực thực hiện công việc của nhân viên.

14.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Có ý thức nâng cao năng lực, tay nghề đáp ứng yêu cầu vị trí công việc.

Có ý thức tôn trọng, bảo vệ quyền lợi người lao động trong doanh nghiệp.

Chấp hành luật lao động Việt Nam.

15. Tên năng lực: Quản trị kinh doanh lưu trú

Mã:

NLNC-05

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 75 giờ, 4 TC

15.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được khái niệm, chức năng, vai trò của quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp.

Trình bày được lợi ích của bản mô tả công việc và nội dung chính của bản mô tả công việc, bản tiêu chuẩn nhân viên.

Xác định được các nguồn tuyển chọn nhân viên và quy trình tuyển chọn nhân viên.

Xác định được quy trình, các hình thức đào tạo nhân viên và các phương pháp đánh giá thực hiện công việc.

Trình bày được lợi ích của công tác an toàn vệ sinh cho người lao động và các biện pháp chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

15.2. Yêu cầu kỹ năng:

Xây dựng được bản mô tả công việc và bản tiêu chuẩn nhân viên.

Vận dụng được các phương pháp đào tạo nhân viên và đánh giá năng lực thực hiện công việc của nhân viên.

15.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Có ý thức nâng cao năng lực, tay nghề đáp ứng yêu cầu vị trí công việc.

Có ý thức tôn trọng, bảo vệ quyền lợi người lao động trong doanh nghiệp.

Chấp hành luật lao động Việt Nam.

16. Tên năng lực: Tổ chức kinh doanh nhà hàng Mã:

NLNC-06

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 90 giờ, 4 TC

16.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được các khái niệm về nhà hàng, kinh doanh nhà hàng và những đặc điểm của kinh doanh nhà hàng.

Xác định được quy trình tuyển chọn nhân lực trong nhà hàng.

Xác định được cách tổ chức hoạt động kinh doanh ăn uống trong nhà hàng.

16.2. Yêu cầu kỹ năng:

Xác định được số lượng món trong thực đơn

Thiết kế được thực đơn cho một bữa tiệc

Tính được dự toán doanh thu và các khoản chi phí cho nhà hàng

Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản trong phục vụ nhà hàng
Phục vụ bia, rượu vang và đồ ăn đảm bảo đúng quy trình, kỹ thuật.

16.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công và các mối quan hệ giữa các bộ phận trong nhà hàng.

Có trách nhiệm thực hiện tốt mục tiêu kinh doanh của nhà hàng, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của nhà hàng.

17. Tên năng lực: Thực tập giữa khóa

Mã: NLNC-07

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 1 TC

17.1. Yêu cầu kiến thức:

Khái quát được tình hình tổ chức bộ máy tổ chức quản lý tại khách sạn - nhà hàng, đơn vị lữ hành.

Tiếp cận được kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn.

17.2. Yêu cầu kỹ năng:

Thuyết minh được một số điểm du lịch của địa phương.

Quản lý được một số hoạt động ở khách sạn – nhà hàng

Kỹ năng soạn thảo văn bản.

17.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm.

Hướng dẫn tối thiểu, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

Có thái độ nghiêm túc trong công tác tìm hiểu các công việc của kế toán.

18. Tên năng lực: Nghiệp vụ hướng dẫn

Mã: NLNC-08

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 120 giờ, 5 TC

18.1. Yêu cầu kiến thức:

Xác định được các chức năng và nhiệm vụ của hướng dẫn viên du lịch.

Trình bày được các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến chương trình du lịch.

Xác định được cấu trúc và nội dung của một bài thuyết minh trong hướng dẫn du lịch

Phân loại được các loại tình huống và các câu hỏi thường gặp trong hướng dẫn du lịch; nguyên tắc trong xử lý tình huống và trả lời câu hỏi của khách hàng;

Xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến việc tổ chức các hoạt động giải trí trong chuyến đi.

18.2. Yêu cầu kỹ năng:

Xử lý được các tình huống và trả lời được các câu hỏi thường gặp trong hoạt động hướng dẫn du lịch.

Xây dựng, cập nhật và hoàn thiện được bài thuyết minh trong hướng dẫn du lịch; thực hiện được các kỹ năng và phương pháp thuyết trình trong hướng dẫn du lịch.

Vận dụng được các phương pháp hướng dẫn tham quan tại điểm, trong thành phố, tại Bảo tàng.

Tổ chức được các hoạt động giải trí cho khách du lịch khi đi trên xe và tại điểm tham quan.

18.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Có ý thức rèn luyện để linh hoạt trong xử lý tình huống, nâng cao hiểu biết phục vụ cho công tác hướng dẫn.

Hình thành thái độ hợp tác và tiếp cận với nghề nghiệp trong tương lai.

19. Tên năng lực: Quản trị kinh doanh lữ hành Mã: NLNC-09

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 135 giờ, 6 TC

19.1. Yêu cầu kiến thức:

Xác định được các mối quan hệ giữa nhà cung cấp với doanh nghiệp lữ hành.

Trình bày được quy trình xây dựng, tổ chức bán, quản lý điều hành chương trình du lịch.

19.2. Yêu cầu kỹ năng:

Vận dụng được những kiến thức về kinh doanh lữ hành vào thực tiễn.

Hình thành được những kỹ năng xây dựng, tổ chức bán, quản lý điều hành chương trình du lịch, soạn thảo các hợp đồng du lịch, các dịch vụ xuất nhập cảnh và hải quan dành cho khách du lịch.

19.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Có ý thức tự nghiên cứu những kiến thức liên quan đến kinh doanh lữ hành, vận dụng vào thực tiễn nghề nghiệp và chịu trách nhiệm với công việc mình đã làm cũng như những kiến thức mình đã áp dụng; xây dựng các

chương trình du lịch độc đáo góp phần phát triển kinh doanh lữ hành của địa phương, đất nước.

20. Tên năng lực: Tiếng anh chuyên ngành **Mã: NLNC-10**

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 135 giờ, 6 TC

20.1. Yêu cầu kiến thức:

Tìm hiểu các thông tin du lịch, lữ hành;

Tìm hiểu các điểm đến du lịch ở Việt Nam và trên thế giới;

Tìm hiểu các công việc liên quan đến nghề hướng dẫn du lịch;

Giới thiệu và xây dựng được lịch trình tour du lịch;

Đặt tour du lịch;

Thuyết minh về các điểm, tuyến điểm du lịch;

Đặt bàn và nhận đặt bàn nhà hàng; đặt buồng và nhận đặt buồng khách sạn;

Làm thủ tục nhận buồng và đăng ký khách sạn;

Giải quyết các phàn nàn của khách;

Làm thủ trả buồng và thanh toán.

20.2. Yêu cầu kỹ năng:

Rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trong các tình huống liên quan đến chuyên ngành hướng dẫn du lịch.

20.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Xác định tầm quan trọng của việc học tiếng Anh trong nhà trường và hội nhập quốc tế.

Tự tin, mạnh dạn, chủ động trong học tập Tiếng Anh chuyên ngành.

Có tinh thần học hỏi, thể hiện sự cầu tiến.

21. Tên năng lực: Quản trị chất lượng dịch vụ **Mã: NLNC-11**

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 60 giờ, 3 TC

21.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được các khái niệm cơ bản về dịch vụ du lịch, chất lượng dịch vụ du lịch, các thuộc tính cơ bản của dịch vụ du lịch;

Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng dịch vụ du lịch;

Xác định được các chức năng và nguyên tắc quản trị chất lượng dịch vụ du lịch;

Xác định được vai trò của hệ thống quản lý chất lượng dịch vụ du lịch;

Trình bày được mục đích và nội dung của các bộ tiêu chuẩn chất lượng và các biện pháp nâng cao chất lượng đội ngũ lao động.

21.2. Yêu cầu kỹ năng:

Phân biệt được những nét khác biệt của các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng dịch vụ du lịch;

Vận dụng được các phương pháp đảm bảo và cải tiến chất lượng dịch vụ du lịch trong hoạt động kinh doanh trên thực tế;

Lập được kế hoạch hành động nhằm duy trì và nâng cao hình ảnh của doanh nghiệp, nâng cao chất lượng dịch vụ;

21.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Tôn trọng, phát huy hiệu quả các phương pháp đảm bảo và cải tiến chất lượng dịch vụ du lịch trong hoạt động kinh doanh;

Tôn trọng các kế hoạch hành động nhằm duy trì và nâng cao hình ảnh nâng cao chất lượng dịch vụ của các doanh nghiệp.

22. Tên năng lực: Quản trị chất lượng dịch vụ Mã:
NLNC-12

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 30 giờ, 2 TC

22.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được các kiến thức cơ bản về quản trị: các khái niệm, bản chất và các nội dung chủ yếu của hoạt động quản trị.

22.2. Yêu cầu kỹ năng:

Vận dụng được các quy luật, các nguyên tắc trong công tác quản trị ở các tổ chức, đưa ra các quyết định quản trị và thực hiện được các chức năng quản trị công việc.

22.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Có thái độ nghiêm túc, trung thực, kỷ luật trong học tập và nghiên cứu môn học.

23. Tên năng lực: Du lịch sinh thái Mã:
NLNC-13

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 30 giờ, 2 TC

23.1. Yêu cầu kiến thức:

Trình bày được các khái niệm về du lịch sinh thái, tài nguyên du lịch sinh thái;

Xác định được các loại hình du lịch sinh thái và quản lý các dự án du lịch sinh thái tại các khu du lịch, khu bảo tồn, Vườn quốc gia;

Xác định được những yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến phát triển du lịch sinh thái;

Xác định được lợi ích của du lịch sinh thái.

23.2. Yêu cầu kỹ năng:

Phân biệt được du lịch sinh thái và các loại hình du lịch khác;

So sánh được những lợi ích và những tác động tiêu cực của du lịch sinh thái đối với môi trường.

23.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Có ý thức bảo vệ, giữ gìn phát triển tài nguyên du lịch sinh thái bền vững;

Tôn trọng, bảo tồn các giá trị về tài nguyên du lịch văn hoá bản địa.

24. Tên năng lực: Quản lý du lịch bền vững Mã: NLNC-14

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 30 giờ, 2 TC

24.1. Yêu cầu kiến thức:

Cung cấp cho học sinh những kiến thức cơ bản, chuyên sâu và các vấn đề liên quan đến du lịch, du lịch bền vững, phát triển bền vững và phát triển du lịch bền vững trong phạm vi ngành du lịch Việt Nam.

Tính bền vững trong phát triển du lịch và sản phẩm du lịch

Giúp sinh viên nhận thức được trách nhiệm của mình - với tư cách những người học du lịch và sau này làm du lịch - đối với sự phát triển bền vững của ngành du lịch.

24.2. Yêu cầu kỹ năng:

Có khả năng vận dụng lý thuyết về phát triển du lịch bền vững để nhận diện và giải quyết các vấn đề đặt ra trong phát triển du lịch tại các điểm du lịch cụ thể;

Có khả năng vận dụng lý thuyết đã học để xây dựng chiến lược quản lý du lịch theo hướng bền vững tại một điểm du lịch cụ thể.

24.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Có thái độ nghiêm túc, chuyên cần trong học tập.

Có khả năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu, giải quyết các tình huống.

25. Tên năng lực: Tổ chức sự kiện

Mã: NLNC-15

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 30 giờ, 2 TC

25.1. Yêu cầu kiến thức:

Xác định được những nhân tố ảnh hưởng tới tổ chức sự kiện và thị trường tổ chức sự kiện ở Việt Nam.

Xác định được các nội dung công tác tổ chức sự kiện.

25.2. Yêu cầu kỹ năng:

Hình thành được các ý tưởng, chương trình cho sự kiện

Liệt kê được các loại chi phí và lập dự toán ngân sách tổ chức sự kiện

Xây dựng, sắp xếp được chương trình để tổ chức sự kiện.

25.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Rèn luyện tính tự chủ, tự tin trong hoạt động

26. Tên năng lực: Thực hành nghiệp vụ tại cơ sở Mã: NLNC-16

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 180 giờ, 4 TC

26.1. Yêu cầu kiến thức:

Thu thập, học hỏi được những kiến thức thực tế tại cơ sở.

Bổ sung, hoàn thiện những kiến thức thực tế về nghề quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

26.2. Yêu cầu kỹ năng:

Áp dụng được những kiến thức đã học vào thực tế công việc.

Rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp thực tế tại cơ sở.

26.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

Bước đầu hòa nhập làm quen với môi trường làm việc thực tế

Tôn trọng các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp;

Có ý thức tự học, tự bồi dưỡng, trau dồi kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, thích ứng với sự phát triển của thực tiễn trong lĩnh vực hoạt động dịch vụ du lịch;

Nhận biết được yêu cầu, tiêu chuẩn, kết quả đối với vị trí công việc hướng dẫn viên;

Có khả năng tổ chức thực hiện các chương trình tham quan, hướng dẫn du lịch tại cơ sở và chịu trách nhiệm đối với kết quả công việc của mình.

27. Tên năng lực: Năng lực số

Mã: NLTC 01

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 75 giờ, 3 TC

27.1. yêu cầu về kiến thức

- Trình bày và giải thích được kiến thức cơ bản về internet, thiết bị số, phần mềm, nền tảng, tạo nội dung, làm việc và khai thác ứng dụng trong môi

trường số;

- Hiểu biết về an ninh, an toàn và văn hóa ứng xử khi tham gia môi trường số.

27.2. yêu cầu về Kỹ năng

- Sử dụng được máy vi tính và các thiết bị số, khai thác phần mềm ứng dụng trên các thiết bị số đáp ứng yêu cầu trong học tập và công việc an toàn trên môi trường số;

- Ứng dụng và khai thác các nền tảng trực tuyến, phần mềm soạn thảo, bảng tính, trình chiếu, tạo hình ảnh, âm thanh, video để vận dụng trong học tập, công việc sau này;

- Chia sẻ, trao đổi dữ liệu, thông tin số trong học tập và làm việc; vận dụng trong thực hiện các dịch vụ công và thương mại điện tử;

- Áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội; an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin;

- Thực hiện đúng các quy định về văn hóa, an toàn bảo mật thông tin; an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong việc sử dụng máy tính, thiết bị số và ứng dụng công nghệ thông tin.

27.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng và thực hiện đúng quy định của pháp luật, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính, thiết bị số và công nghệ thông tin, truyền thông trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu của cá nhân, tổ chức và bên thứ ba trên môi trường số;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc ứng dụng năng lực số cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

28. Tên năng lực: Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả

Mã năng lực: NLTC 02

Khối lượng kiến thức tối thiểu (giờ, tín chỉ): 45 giờ, 2 TC

28.1. yêu cầu về kiến thức

Trình bày được khái niệm, phân loại và đánh giá được tác động đến môi trường của việc khai thác, sử dụng năng lượng và tài nguyên.

Nhận biết, phân loại được các loại chất thải, chất độc hại và giải thích tác động của chúng đến môi trường,

28.2. yêu cầu về Kỹ năng

Áp dụng nguyên tắc 3R trong việc thu gom, lưu trữ và xử lý chất thải tại nơi làm việc.

Sử dụng và lưu trữ chất độc hại đảm bảo đúng quy định Sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả trong các lĩnh vực liên quan.

28.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Tự giác, chủ động trong việc bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả.

Tuyên truyền về các hoạt động bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả.